BÀI 9: QUY LUẬT MENDEN: QUY LUẬT PHÂN LY ĐỘC LẬP

I. THÍ NGHIỆM LAI HAI TÍNH TRẠNG

Hoàn thành sơ đồ lai bằng cách kéo thả kiểu gen sao cho phù hợp

- P_{TC}: Hạt vàng, vỏ trơn x Hạt xanh, vỏ nhăn



G_P: ☐ ☐

F_1: 100% hạt vàng, vỏ trơn  ☐

F_1 tự thụ phấn: Vàng, trơn F1 x Vàng, trơn F1



G_{F1}: ☐☐☐☐ ☐☐☐☐

AABB | aabb | AaBb

AaBb | AaBb | 1/4AB

1/4Ab | 1/4Ab | 1/4aB | 1/4AB

1/4aB | 1/4ab | 1/4ab

F_2: 315 vàng, trơn : 108 vàng, nhăn : 101 xanh, trơn : 32 xanh, nhăn

Hoàn thành kết quả vào bảng sau

G_{F1}	♂AB	♂Ab	♂aB	♂ab
♀AB				
♀Ab				
♀aB				
♀ab				

TLKG:

TLKH:

- **Lai phân tích 2 cặp gen dị hợp** : AaBb x aabb → cho tỉ lệ 1 : 1 : 1 : 1
- 2 cặp gen dị hợp giao phấn với nhau (Tự thụ phấn)

AaBb x AaBb → cho tỉ lệ 9 : 3 : 3 : 1 với 9 kiểu gen và 4 kiểu hình.

- Công thức tổng quát : Với n là số cặp dị hợp

+ Số giao tử : 2^n + Tỉ lệ kiểu gen : $(1:2:1)^n$

+ Số kiểu gen : 3^n + Số kiểu hình : 2^n + Tỉ lệ kiểu hình : $(3:1)^n$

Câu 1: Viết giao tử của những cơ thể có KG sau:

A. AaBB ☐ B. AaBb ☐

C. AAbb ☐ D. AABbCC ☐

LIVEWORKSHEETS

Câu 2: Tìm số KH, số KG của các phép lai sau

A. AaBB x AaBB

B. AaBb x AABb

C. AaBb x Aabb

D. AaBb x AaBb

E. AabbDd x AaBBdd

F. AaBbdd x aabbDd

G. AaBbDd x AaBbDd

Câu 3:

A. Cho phép lai P: AaBb x AaBb. Tìm tỉ lệ KG Aabb.

B. Cho phép lai P: AabbDd x AaBBdd. Tìm tỉ lệ KG AaBbdd.

C. Cho phép lai P: AaBbDd x AaBbDd. Tìm tỉ lệ KG AaBbDd.

LIVEWORKSHEETS